

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-5-2021.

“V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đô;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương;**

2. Ông **Phạm Phước Tâm;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Chị **Lâm Thị Kim L**, sinh năm 1989;

HKTT: Ấp T, xã H, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T có mặt, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị L quen biết nhau và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp ngày 09/4/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị L đã về cha mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không chủ động hàn gắn tình cảm. Nay anh T nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 01/6/2010 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/12/2013, hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung; không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lâm Thị Kim L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Tuy nhiên, chị L có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án với nội dung chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn T; tự nguyện để hai con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 01/6/2010 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/12/2013 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; chị L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- Trích lục khai sinh tên Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Minh T2 (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn tên Nguyễn Văn T và Lâm Thị Kim L (bản chính);

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 07/4/2021 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết. Không có ai phản bác các tài liệu chứng cứ được công khai trong phiên họp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Lâm Thị Kim L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn chị Lâm Thị Kim L đang sinh sống tại: Ấp L, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Chị Lâm Thị Kim L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L tự nguyện đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2009. Hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ngày 09/4/2009 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Anh T yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống và đã ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Hai bên không có hành động hay đưa ra biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục lẫn nhau để tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là chị L đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, chị L có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh T và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh T.

[5] Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 01/6/2010 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/12/2013, hiện đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị L cấp dưỡng; Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng là căn cứ điều kiện chăm sóc con chung. Tại phiên tòa hôm nay, anh T cho rằng con chung đang phát triển tốt, ổn định và cũng đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian chăm sóc con. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng, xét thấy đây là sự tự nguyện. Theo văn bản ghi ý kiến của chị L ngày 14/01/2021 cũng thống

nhất theo yêu cầu của anh T về giải quyết con chung. Do đó, căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 thì yêu cầu của anh T là có căn cứ.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BI/2019/0012252 ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Văn T.

1.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Lâm Thị Kim L.

1.2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 01/6/2010 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/12/2013; chị Lâm Thị Kim L không phải cấp dưỡng do anh T không yêu cầu.

Chị Lâm Thị Kim L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.4. Về nợ chung: Anh T trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BI/2019/0012252 ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô